

370 新天地歌 xin1 tian1di4 ge1

J=100

1 2 3 4 5 ye1 - lu4 - sa1 - leng3 xin1 tian1 - di4, guang1 -
 2 3 4 5 ye1 - lu4 - sa1 - leng3 xin1 tian1 - di4, liu2
 3 4 5 ye1 - lu4 - sa1 - leng3 xin1 tian1 - di4, he2
 4 5 ye1 - lu4 - sa1 - leng3 xin1 tian1 - di4, si1 -
 5 ye1 - lu4 - sa1 - leng3 xin1 tian1 - di4, guang1 -

1 2 3 4 5 耶 耶 耶 耶 耶 路 路 路 路 路 撒 撒 撒 撒 撒 冷 冷 冷 冷 冷 新 新 新 新 新 天 天 天 天 天 地, 地, 地, 地, 地, 光 流 和 思 光

- ming2 yong3 fu2 zhi1 xiang1; ren2 - jian1 ya1 - po4 wei1
 ru3 yu3 mi4 zhi1 xiang1; shi4 shei2 zhang3 - quan2 shei2
 ping2 - an1 le4 zhi1 xiang1; shi4 shei2 zhang3 - quan2 shei2
 - xiang3 zi4 - you2 zhi1 xiang1; shi4 shei2 zhang3 - quan2 shei2
 - ming2 yong3 le4 zhi1 xiang1; mei3 feng2 xiang3 - dao4 ni3

明乳平想明 永与安自永 福蜜乐由乐 之之之之之 乡乡乡乡乡 人是是是每 间谁谁谁逢 压掌掌掌想 迫权权权到 威谁谁谁你

quān2 xià4, hū1 - shēng1 cān3 liè4 gān1 chāng2; mèi3
tōng3 - zhì4? mǎ3 - cáo2 chū1 shēn1 mù4 jiāng5! cǐ3
tōng3 - zhì4? wéi4 ai4 shé3 - shēn1 gāo1 yáng2! cǐ3
tōng3 - zhì4? tài4 - chū1 zhī1 dǎo4 zhēn1 guāng1! cǐ3
jiāng1 lín2, mǔ4 - qián2 tōng4 - kǔ3 xiāo1 - wāng2, fèn4-

权统统统将 下治治治治 呼马为太目 声槽爱初前 惨出舍之痛 裂身身道苦 肝木羔真消 肠匠羊光亡 每此此此奋

fēng2 xiāng3-dǎo4 nǐ3 jiāng1 lín2, mǔ4 - qian2 tōng4 - ku3 jiē1
jiān1 bù4 fú4 yóu3 bēi1 - ai1, pīn2 fú4 jiē1 jí2 xiāo1-
jiān1 bù4 fú4 yóu3 dì4 - wáng2, zhōng3 zu2 guō2 jiē4 xiāo1-
jiān1 bù4 fú4 yóu3 qiāng2 - quān2, shù4 fu4 qian2-zhī4 xiāo1-
- dòu4 zhī1 huò3 tiān1 liè4 - yān4, ruò4 bì4 de2 zhuan3 wéi4

逢间间间斗 想不不不之 到复复复火 你有有有添 将悲帝强烈 临哀王权焰 目贫种束弱 前富族缚臂 痛阶国钳得 苦级界制转 皆消消消为

wàng4, fèn4 - dòu4 zhī1 huò3 qǐ3 liè4 rǎn2, ruo4
- wàng2, zhā4 qu3, bāo1 xiāo1 yù3 jīng4 zhèng1, dou1
- wàng2, dǎo1 jiān4 xiāo1 róng2 wéi4 chū2 lì2,
- wàng2, yǐ3 yù3 quān2 zhī1 xiāng1 - xiāo1 miān4, bu4
qiāng2. zhū3 zhī3 zài4 di4 ruò2 jīan4 tān1, bu4

忘, 奋榨刀已主 斗取剑与旨 之剥销全在 火削熔知地 起与为相如 烈竞锄见在 燃, 争, 梨, 面, 天, 弱都不不与

(5)

bi4 de2 zhuan3 wei4 qiang2.
 cheng2 guo4 - qu4 huan4-xiang4.
 fu4 xue2 - xi2 zhan4 zhang4.
 fu4 dui4 jing4 pang2-huang2.
 zhu3 tong2 gong1 tong2 wang4. a4-men2

臂成复复主 得过学对同 转去习镜工 为幻战彷同 强象仗徨望 阿 们